UB tỉnh Hưng Yên
VT: Vũ Thị Thu Cúc
Giờ ký: 31/10/2017
15:21:38

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2906/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 31 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ các Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 28/10/2011, số 1432/QĐ-UBND ngày 22/08/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 353/TTr-STC ngày 26/10/2017 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành

1. Tên dự án (BCKTKT): Xây dựng công trình cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

2. Tên công trình (HMCT): Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

4. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào.

5. Thực hiện: Năm 2014; hoàn thành: 2016.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn	TMĐT được duyệt	Thực hiện
Tổng số:	**9.450.566.000**	**9.292.085.000**
Nguồn vốn ngân sách tỉnh	9.450.566.000	9.292.085.000

2. Chi phí đầu tư *(có phụ lục kèm theo)*:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
Tổng số:	**9.450.566.202**	**9.292.085.000**
- Chi phí xây dựng:	8.102.235.304	8.032.319.000
- Chi phí QLDA:	202.680.000	202.680.000
- Chi phí tư vấn ĐTXD	972.215.643	952.110.000
- Chi phí khác	110.146.559	104.976.000
- Chi phí dự phòng	63.288.696	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Công trình (HMCT) thuộc chủ đầu tư quản lý	Công trình (HMCT) giao đơn vị khác quản lý
Tổng số	**9.292.085.000**	**0**
Tài sản cố định:	9.292.085.000	0

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư xây dựng công trình:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số:	**9.292.085.000**	
Nguồn vốn ngân sách tỉnh	9.292.085.000	

- Tổng hợp các khoản công nợ tính đến ngày 19/9/2017 là:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng vốn được thanh toán:	**9.292.085.000**
2	Tổng vốn đã thanh toán:	**8.700.000.000**
3	Nguồn vốn ngân sách tỉnh:	8.700.000.000
	- Tổng nợ phải thu:	**0**
	- Tổng nợ phải trả:	**592.085.000**

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- Giá trị đầu tư công trình được phê duyệt quyết toán làm căn cứ để chủ đầu tư và đơn vị nhận bàn giao sử dụng ghi sổ và hạch toán theo đúng chế độ kế toán thống kê hiện hành.

- Giá trị tài sản được phê duyệt làm căn cứ để chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền bổ sung vốn thanh toán nợ phải trả cho các đơn vị liên quan.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Kho bạc nhà nước tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đặng Ngọc Quỳnh

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1[Q].

PHỤ LỤC CHI PHÍ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 1906 /QĐ-UBND ngày 31 /10/2017 của UBND tỉnh)

Dự án: Xây dựng công trình cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị A-B đề nghị quyết toán	Kết quả thẩm tra
	Tổng cộng:	**9.450.566.202**	**9.311.928.813**	**9.292.085.000**
I	**Xây lắp**	**8.102.235.304**	**8.040.314.000**	**8.032.319.000**
II	**Chi phí quản lý dự án:**	**202.680.000**	**202.680.000**	**202.680.000**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:**	**972.215.643**	**963.958.643**	**952.110.000**
1	Chi phí tư vấn đầu tư đã thực hiện theo QĐ số 1818/QĐ-UBND ngày 28/10/2011	510.317.000	510.315.000	498.467.000
1.1	*Chi phí khảo sát địa chất*	*76.780.000*	*76.778.000*	*76.778.000*
1.2	*Chi phí lập báo cáo KTKT lần 1 và lần 2 TKBVTC, dự toán bổ sung*	*411.539.000*	*411.539.000*	*399.691.000*
1.3	*Chi phí thiết kế bản vẽ thi công + Dự toán*	*21.998.000*	*21.998.000*	*21.998.000*
2	Chi phí tư vấn đầu tư bổ sung	461.898.643	453.643.643	453.643.000
1.1	*Chi phí khảo sát địa chất*	*173.410.000*	*169.617.000*	*169.617.000*
1.3	*Chi phí thẩm tra thiết kế, dự toán bổ sung*	*4.400.000*	*0*	*0*
1.4	*Lập hồ sơ mời thầu - Đánh giá HS dự thầu*	*24.295.000*	*24.295.000*	*24.295.000*
1.5	*Chi phí giám sát*	*211.031.643*	*211.031.643*	*211.031.000*
1.6	*Chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc BTCT*	*48.762.000*	*48.700.000*	*48.700.000*
IV	**Chi phí khác:**	**110.146.559**	**104.976.170**	**104.976.000**
1	Chi phí thẩm tra báo cáo KTKT	21.300.000	21.669.000	21.669.000
2	Lệ phí chi phí thẩm định báo cáo KTKT	1.616.000	1.616.000	1.616.000

Số TT	Chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị A-B đề nghị quyết toán	Kết quả thẩm tra
3	Bảo hiểm công trình	15.139.389	15.100.000	15.100.000
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	15.381.000	15.381.000	15.381.000
5	Chi phí kiểm toán	51.210.170	51.210.170	51.210.000
6	Chi phí chứng thư thẩm định giá	5.500.000	0	0
V	**Chi phí dự phòng**	**63.288.696**	**0**	**0**